

**CÔNG TY CỔ PHẦN HT SƠN TÙNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HT SƠN TÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HT SON TUNG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HT SON TUNG., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110887440

**3. Ngày thành lập:** 13/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, Tòa nhà Kim Ánh, Số 1 ngõ 78 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973500008

Fax:

Email: HTSontung2024@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                      | 4773     |
| 2.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                | 4791     |
| 3.  | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                         | 4911     |
| 4.  | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                           | 4912     |
| 5.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                      | 4921     |
| 6.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                             | 4922     |
| 7.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                            | 4929     |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>(trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                         | 4931     |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932     |
| 10. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                | 5021     |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                  | 5022     |

|     |                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                             | 5210        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                 | 5221        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                | 5222        |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                               | 5224        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                  | 5225        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)  | 5229        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                | 5510        |
| 19. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                       | 5590        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)    | 5610        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                 | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                     | 5629        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                  | 5630        |
| 24. | Đại lý du lịch                                                                                                           | 7911        |
| 25. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                | 7912        |
| 26. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                      | 7990        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa       | 8299        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô | 4933(Chính) |
| 29. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                     | 4511        |
| 30. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Trừ đầu giá)                                                             | 4512        |
| 31. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                       | 4513        |
| 32. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                           | 4520        |
| 33. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                      | 4530        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                | 4541 |
| 35. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                               | 4542 |
| 36. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                            | 4543 |
| 37. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 38. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 39. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                             | 4634 |
| 40. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 41. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659 |
| 43. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                             | 4661 |
| 44. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663 |
| 45. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 46. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 47. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 48. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                               | 4724 |
| 49. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4730 |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 190.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THỊ<br>THU HOÀI | CH 704, Nhà C,<br>Tòa Vinaconex 3,<br>Phường Dịch<br>Vọng, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 38.000        | 380.000.000              | 20,000       | 0261790001<br>80                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Tổng số                            | 38.000        | 380.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ VĂN SỸ            | Đội 6, Thôn Bàu,<br>Xã Kim Chung,<br>Huyện Đông Anh,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 19.000        | 190.000.000              | 10,000       | 0010740406<br>35                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            | Tổng số                            | 19.000        | 190.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                            |                                    |         |               |        |                  |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>KHẮC TÙNG | CH 704, Nhà C,<br>Tòa Vinaconex 3,<br>Phường Dịch<br>Vọng, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Tổng số                            | 133.000 | 1.330.000.000 | 70,000 | 0260730024<br>60 |
|   |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 133.000 | 1.330.000.000 | 70,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN KHẮC TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/03/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026073002460

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH 704, Nhà C, Tòa Vinaconex 3, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH 704, Nhà C, Tòa Vinaconex 3, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội